TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DS-ST
Ngày: 09 - 5 - 2022
V/v tranh chấp xác định ranh đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Văn Bình;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phi Hùng;

2. Ông Lê Anh Việt;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thụy Thùy Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên toà: Ông Trần Cao Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 229/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2020, về việc "Tranh chấp xác định ranh đất", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST-DS ngày 22 tháng 04 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị Hoàng H, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp An Hòa Nh, xã Tân B, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1930 (chết);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng cho ông An gồm:

1. Nguyễn Thanh T, sinh năm 1964 (Vắng mặt);

2. Nguyễn Thanh H, sinh năm 1966 (Vắng mặt);

3. Nguyễn Thanh H, sinh năm 1971 (Có mặt);

4. Nguyễn Hồng D, sinh năm 1970 (Vắng mặt);

5. Nguyễn Thanh V, sinh năm 1972 (Vắng mặt);

6. Nguyễn Thanh T, sinh năm 1977 (Vắng mặt);

7. Nguyễn Thanh G, sinh năm 1979 (Vắng mặt);

8. Nguyễn Thanh S, sinh năm 1985 (Có mặt);

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thị Thu G, sinh năm 1981 (Vắng mặt);

2. Nguyễn Thanh T, sinh năm 2000 (Vắng mặt);

3. Nguyễn Thanh H, sinh năm 2003 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Tân H, xã Tân Ph, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phan Thị Hoàng H trình bày:

Vào năm 2009 chị H có nhận chuyển nhượng phần đất thổ cư thuộc thửa 50, tờ bản đồ 20, diện tích 882m^2 của bà Tô Thị Bích H.

Đến năm 2010 chị H tiếp tục nhận chuyển nhượng thửa đất số 722, tờ bản đồ số 17, diện tích 3.502m^2 và thửa 764, tờ bản đồ số 17, diện tích 3.965m^2 của hộ ông Nguyễn Văn A. Các phần đất tọa lạc Ấp Tân H, xã Tân Ph, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Lúc chuyển nhượng không có đo đạc thực tế và chuyển nhượng trọn thửa, hiện chị H đã được UBND huyện Châu Thành cấp giấy chứng nhận đối với 03 thửa đất trên. Tuy nhiên khi chị H tiến hành xây hàng rào thì các thành viên trong gia đình ông Nguyễn Văn A cản trở vì cho rằng không biết ranh đất ở đâu.

Qua đo đạc thực tế thì thửa 50; thửa 722; thửa 764 đều có diện tích ít hơn so với diện tích trong giấy chứng nhận lúc chuyển nhượng từ bà H, ông A chuyển qua cho chị H. Cụ thể: Thửa đất 50, diện tích cấp giấy 882m^2 nhưng đo đạc thực tế chỉ còn 853m^2 (giảm 29m^2).

Thửa 722, diện tích cấp giấy 3.502m^2 và đo đạc thực tế đúng diện tích 3.502m^2 (không giảm, không tăng).

Thửa 764, diện tích cấp giấy 3.965m^2 nhưng đo đạc thực tế chỉ còn 3.921m^2 (giảm 44m^2).

Diện tích trên không bao gồm diện tích thủy lợi đã sang lấp.

Nay chị Phan Thị Hoàng H yêu cầu Tòa án xác định ranh đất giữa thửa đất số 50, thửa 722 và thửa 764 theo diện tích đo đạc thực tế giáp phần kênh thủy lợi và thửa đất số 20 của hộ ông Nguyễn Văn A từ các mốc 2 – 3 – 4 – 5 – 6 theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành ngày 17/6/2021.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng cho ông An có bà Nguyễn Thanh H trình bày:

Phần đất thửa 50, tờ bản đồ số 20, diện tích 882m^2 trước đây ông Nguyễn Văn A (là cha của bà H) có chuyển nhượng quyền sử dụng đất này cho ông Châu Anh Kiệt, lúc chuyển nhượng có đo đạc, cắm ranh và ông Kiệt đã xây dựng hàng rào cố định (các bên cũng không khiếu nại về diện tích). Sau đó ông Kiệt chuyển nhượng thửa đất này cho chị Phan Thị Hoàng H, lúc chuyển nhượng là đo từ mé sông kênh Xã Khánh kéo dây đo vào.

Đối với thửa 722 và 764 thì bà H xác định trước đây các thành viên trong hộ gia đình ông A có chuyển nhượng cho chị H với tổng diện tích 02 thửa là 7.467m^2, chuyển nhượng không có đo đạc mà theo diện tích trong giấy chứng nhận.

Phần diện tích kênh thủy lợi là của Nhà nước nhưng gia đình ông An đã đắp bờ và hiện đang canh tác. Thực tế bà H cũng không xác định ranh của thửa đất 50, 722, 764 giáp phần thủy lợi và giáp thửa 20 của hộ ông An ở vị trí nào. Bà H cho rằng giữa thửa đất 50 và thửa 764 có phần diện tích khoảng 20m^2 hiện bà H đang trồng chuối nhưng bà H không có tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất.

Nay bà H không đồng ý việc đo đạc bằng máy mà Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai đo. Bà H không yêu cầu đo đạc lại mà cho rằng phải dùng thước dây để đo, đo đủ diện tích trong giấy chứng nhận lúc chị H nhận chuyển nhượng và chị H được quyền sử dụng đất đúng với diện tích theo giấy chứng nhận, ngoài ra không ý kiến gì.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng cho ông A có bà Nguyễn Thanh V, Nguyễn Thanh T vắng mặt nhưng trong biên bản xác minh, bà T, bà V trình bày:

Bà T, bà V xác định trước đây ông Nguyễn Văn A có chuyển nhượng thửa đất giáp lộ (thửa 50) cho bà Tô Thị Bích H, sau đó bà H chuyển nhượng lại cho Phan Thị Hoàng H. Còn 02 thửa đất ruộng phía sau ông A có chuyển nhượng cho chị H, nhưng bà T, bà V không biết chính xác diện tích bao nhiêu.

Nay bà T, bà V có ý kiến như sau: Lúc còn sống ông A chuyển nhượng cho chị H diện tích theo giấy chứng nhận thì chị H sử dụng đúng diện tích đã mua, ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng cho ông An có anh Nguyễn Thanh S trình bày:

Anh S thống nhất theo ý kiến của bà H, bà T, bà V về việc các thửa đất số 50, 722, 764 có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn A, sau đó ông A đã chuyển nhượng các thửa đất này và hiện chị Phan Thị Hoàng H đứng tên giấy chứng nhận. Anh S cũng không xác định ranh đất của thửa 50, thửa 722, 764 giáp một

phần thủy lợi, phần ngoài giáp thửa 20 (hiện ông An đứng tên) là chỗ nào nhưng anh Sang có ý kiến như sau: Để xác định ranh đất thì phải đo từ dưới mé sông kênh Xã Khánh đo vào, ngoài ra anh S chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về tuân thủ pháp luật tố tụng và nội dung giải quyết vụ án (có bài phát biểu kèm theo).

- Về tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Hoàng H. Xác định ranh đất của thửa đất 50, tờ bản đồ 20; thửa 722 và 764, cùng tờ bản đồ số 17 một phần giáp thủy lợi và phần đầu ngoài giáp thửa 20 (của hộ ông A) là các mốc 2 – 3 – 4 – 5 – 6 theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện chị Phan Thị Hoàng H yêu cầu Tòa án xác định ranh của thửa đất 50, 722, 764 hiện chị H đang đứng tên giấy chứng nhận. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ dân sự, tranh chấp liên quan việc xác định ranh giới quyền sử dụng đất theo Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng cho ông Nguyễn Văn A gồm: Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Hồng D, Nguyễn Thanh V có đơn xin vắng mặt. Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thanh G, Nguyễn Thị Thu G, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thanh H vắng mặt lần 2, không có đơn xin vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

Đối với bà Nguyễn Thanh Ng, trong bản tường trình, biên bản xác minh các đương sự Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thanh V đều xác định bà Nguyễn Thanh Ng là con ruột của ông Nguyễn Văn A nhưng từ nhỏ sống bên xã Tân Phú Trung nên ít liên lạc và thực tế không biết chính xác địa chỉ cụ thể của bà Nga ở đâu. Mặc dù các đương sự được Tòa án thông báo về việc cung cấp địa chỉ của bà Ng tại xã Tân Phú Trung để Tòa án tống đạt văn bản tố tụng và xác minh đối với bà Ng nhưng các đương sự không cung cấp được. Theo công văn

số 02/CAX ngày 18/02/2022 của Công an xã Tân Phú xác định: *"Không có thông tin về nhân khẩu Nguyễn Thanh Ng"* và theo công văn số 06/CAX ngày 12/4/2022 của Công an xã Tân Phú Trung xác định: *"Qua tiến hành xác minh trên địa bàn quản lý Công an xã Tân Phú Trung không tìm thấy thông tin nhân khẩu tên Nguyễn Thanh Ng, nơi thường trú ấp Tân Phú, xã Tân Phú Trung, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp"*. Do đó Tòa án không có cơ sở xác định chính xác bà Nguyễn Thanh Ng có phải con ruột của ông A hay không nên Tòa án không đưa bà Ng vào tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng cho ông A.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của chị Phan Thị Hoàng H yêu cầu Tòa án xác định ranh của thửa đất 50, 722, 764 hiện chị H đang đứng tên giấy chứng nhận, đất tọa lạc Ấp Tân H, xã Tân Ph, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

Vào năm 2009 chị H có nhận chuyển nhượng phần đất thổ cư thuộc thửa 50, tờ bản đồ 20, diện tích 882m^2 của bà Tô Thị Bích H.

Sau đó vào năm 2010 hộ ông Nguyễn Văn A có chuyển nhượng cho chị Phan Thị Hoàng H thửa đất số 722, tờ bản đồ số 17, diện tích 3.502m^2 và thửa 764, tờ bản đồ số 17, diện tích 3.965m^2.

Việc chuyển nhượng các thửa đất đều có làm hợp đồng chuyển nhượng, có công chứng, chứng thực theo quy định.

Theo lời khai của bà Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thanh V là thành viên trong hộ ông An xác định: Thửa đất 50 hộ của ông An chuyển nhượng cho ông Châu Anh K, bà Tô Thị Bích H, sau đó bà H chuyển nhượng lại cho chị H, còn thửa đất 722, 764 ông An có chuyển nhượng cho chị H diện tích theo giấy chứng nhận được cấp và không có đo đạc thực tế.

Mặc dù lúc chị H chuyển nhượng lại thửa đất số 50 từ bà Tô Thị Bích H và thửa 722, 764 từ hộ gia đình ông An không có đo đạc thực tế nhưng theo lời bà H xác định thì khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 50 cho ông Châu Anh K, lúc chuyển nhượng có cắm ranh và ông K đã xây dựng hàng rào cố định. Còn tổng diện tích thửa 722 và 764 mà hộ gia đình ông A chuyển nhượng cho chị H là 7.467m^2 (không đo thực tế) và không có bao gồm phần diện tích thủy lợi đã sang lấp.

Qua đối chiếu diện tích sau khi đo đạc thực tế thửa 50, 722, 764 đều có diện tích ít hơn so với diện tích được cấp trong giấy chứng nhận từ bà H, ông A chuyển qua cho chị H. Cụ thể: Thửa đất 50, diện tích cấp giấy 882m^2 nhưng đo đạc thực tế chỉ còn 853m^2 (giảm 29m^2).

Thửa 764, diện tích cấp giấy 3.965m^2 nhưng đo đạc thực tế chỉ còn 3.921m^2 (giảm 44m^2).

Thửa 722, diện tích cấp giấy 3.502m^2 và đo đạc thực tế đúng diện tích 3.502m^2 (không giảm, không tăng).

Diện tích trên đều không bao gồm diện tích thủy lợi đã sang lấp và chị H cũng thống nhất diện tích đo đạc thực tế.

Bà H, anh S cho rằng phần diện tích thủy lợi thì các thành viên gia đình ông A đang sử dụng và không biết ranh đất ở đâu nên việc chị H xác định ra theo sơ đồ đo đạc thì bà H, anh Sang không đồng ý.

Theo công văn số 6708/UBND-NC ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành đã xác định: *"Phần đất mương thủy lợi thể hiện trên sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 17/6/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành là đất công cộng do Nhà nước quản lý, chưa giao quyền sử dụng cho cá nhân hoặc tổ chức nào."* Như vậy khi tiến hành đo đạc, thẩm định đất thì bà H (con ông A) cho rằng hiện gia đình ông A đang sử dụng diện tích phần mương thủy lợi giáp ranh thửa 722, thửa 764 của chị H nên không xác định ranh đất ở đâu là không hợp lý vì thực tế giáp thửa đất 722 và 764 không có thửa đất nào của gia đình ông A mà đó là kênh thủy lợi của Nhà nước.

Bà H cũng cho rằng giữa thửa đất 764 và thửa 50 có một phần diện tích khoảng 20m^2 (hiện bà H trồng chuối) nằm giữa hai thửa đất này để từ đó ngăn cản việc chị H vào canh tác đất nhưng thực tế bà H không có yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất và cũng theo công văn số 6708 xác định: *"Thửa đất số 50, tờ bản đồ 20 và thửa 764, 722, tờ bản đồ số 17, xã Tân Phú có hình thể, vị trí liền kề tiếp giáp nhau (thửa đất theo thứ tự từ ngoài bờ kênh xã Khánh vào trong là thửa 50, 764, 722"* nên việc bà H trình bày như trên là không phù hợp. Phần đường ranh mà chị H xác định (theo sơ đồ) để làm ranh thực tế chỉ giáp thửa 20 của ông A từ mốc 5 - 6, phần còn lại là giáp thủy lợi. Do đây là vụ án xác định ranh đất, chị H yêu cầu xác định ranh để có cơ sở sử dụng đất đúng vị trí, không phải tranh chấp quyền sử dụng đất, trong khi diện tích đo thực tế đều thấp so giấy chứng nhận mà chị H được cấp nên việc bà H, anh Sang khi thực tế không biết ranh đất ở đâu nhưng cho rằng để xác định ranh đất thì dùng thước dây đo và đo từ mé sông kênh Xã Khánh đo vào là không hợp lý.

Hiện bà H cũng như các đương sự khác không có tranh chấp về quyền sử dụng đất liên quan đến thửa 50, 722, 764 và tài sản trên đất (hiện chị H đứng tên giấy chứng nhận) nếu sau này các đương sự có phát sinh tranh chấp thì được giải quyết bằng vụ kiện riêng.

Qua phân tích trên cho thấy phần ranh đất mà chị H xác định thực tế không có lấn chiếm thửa đất 20 của hộ ông A và sử dụng đúng thực tế phần diện tích trước đây mà phía ông Kiệt, bà Hà và hộ gia đình ông A đã chuyển nhượng cho chị H. Nên việc chị H yêu cầu xác định ranh đất thửa 722, thửa 764 và thửa 50 một phần giáp thủy lợi, phần còn lại giáp thửa 20 từ mốc 2 – 3 – 4 – 5 – 6 theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành ngày 17/6/2021 là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu của chị Phan Thị Hoàng H được chấp nhận, do chị H đã tạm ứng và chi xong chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tài sản là 13.737.000 đồng nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn A hoàn trả lại cho chị H số tiền này.

[3] Về án phí: Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn A chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 92, các Điều 147, 157, 165, Khoản 2 Điều 227, Điểm e Khoản 1, Khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 175, 176 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều Điều 166, 167 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Hoàng H về việc xác định ranh đất.

2. Xác định ranh giới quyền sử dụng đất của thửa đất 50, tờ bản đồ 20; thửa 722, 764 cùng tờ bản đồ số 17 hiện chị Phan Thị Hoàng H đứng tên giấy chứng nhận một phần giáp với phần diện tích kênh thủy lợi và phần còn lại giáp thửa 20, tờ bản đồ số 20 của hộ ông Nguyễn Văn A là từ mốc 2 – 3 – 4 – 5 – 6.

Các bên đương sự có nghĩa vụ tôn trọng và sử dụng đúng ranh đất đã xác định theo chiều thẳng đứng từ không gian đến lòng đất, không được làm ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của người khác. Phần cây trồng, vật kiến trúc bên nào lấn chiếm ranh đất thì phải di dời.

(Kèm theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12/01/2021 và sơ đồ đo đạc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thành ngày 17/6/2021).

3. Về chi phí tố tụng khác: Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn A gồm Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Hồng D, Nguyễn Thanh V, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thanh G, Nguyễn Thanh S có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị Phan Thị Hoàng H chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tài sản là 13.737.000 đồng.

4. Về án phí: Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn A gồm Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thanh H, Nguyễn Hồng D, Nguyễn Thanh V, Nguyễn Thanh T, Nguyễn Thanh G, Nguyễn Thanh S liên đới chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho chị Phan Thị Hoàng H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011798 ngày 30/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Lưu văn thư, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Châu Văn Bình